

Bản án số: 91/2023/KDTM-PT
Ngày 14 – 8 – 2023
V/v “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLPT-KDTM, ngày 18 tháng 5 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1973/2022/KDTM-ST, ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2065/2023/QĐ-PT, ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP XNK VN; Địa chỉ: Tầng 8, Vincom Centre, 72 LTT, Phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP XNK VN (theo Hợp đồng ủy quyền số 02/2018/HĐUQ/EIB-AMAC ngày 17/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP XNK VN với Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP XNK VN; ông Bùi Khánh L (có mặt), bà Phan Thị Phương D (có mặt), (theo Giấy ủy quyền ngày 29/5/2023)

- Bị đơn: Ông Bạch Ngọc Th, sinh năm 1953; Địa chỉ: 16 Tổ 2, BA, Khu phố 3, phường BT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1987; địa chỉ: Park 7.1107 Vinhomes Central Park, 208 NHC, Phường 22, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2023 – có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: 149/O TB 1, phường LB, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ khác: 1/8D LĐ, Khu phố 7, phường LĐ, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

2. Ông Trần Hữu Ngh, sinh năm 1960; Địa chỉ: 1/8D LĐ, phường LĐ, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngh và bà H: Bà Nguyễn Thị Ánh L1, sinh năm 1967; địa chỉ: 78 NHN, phường BT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2010 – xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP XNK VN là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2007, các Văn bản ngày 20/01/2022, ngày 12/7/2022 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần XNK VN (sau đây viết tắt là Eximbank) và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/02/1992, Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ TL (sau đây viết tắt là Công ty TL) do ông Bạch Ngọc Th là giám đốc ký Hợp đồng ủy thác nhập khẩu số 89/HĐ/TEN ủy thác cho Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Quận 10 (sau đây viết tắt là Tenimex) nhập khẩu 10.000 tấn phân urê Indonessia, đơn giá 183,4USD/tấn, thành tiền 1.834.000USD, phương thức thanh toán bằng tín dụng thư (L/C) mở tại Eximbank, trả chậm 180 ngày kể từ ngày giao hàng. Công ty TL cam kết thanh toán đầy đủ tiền hàng vào đúng thời hạn ghi trong tín dụng thư.

Ngày 16/9/1992, Công ty TL có Công văn số 32/CV-TLC gửi Eximbank xin xác nhận bảo lãnh thanh toán nhập 10.000 tấn phân ure, đồng thời xuất trình phương án và hiệu quả kinh doanh lô hàng, theo đó lãi là 953.450.980 đồng, đã được Eximbank đồng ý bảo lãnh.

Ngày 21/9/1992, Tenimex có đơn mở tín dụng trả chậm 180 ngày, trị giá 1.834.000USD.

Ngày 23/9/1992, Eximbank đã đồng ý phát hành tín dụng thư không hủy ngang cho Công ty Kolon – International Corp – Hàn Quốc trả chậm 180 ngày, số tiền 1.834.000USD.

Ngày 23/10/1992, Eximbank đã nhận bộ chứng từ theo tín dụng thư nói trên và giao cho Tenimex nhận hàng, số lượng thực nhận là 11.000 tấn, thành tiền 2.017.400USD.

Ngày 10/4/1993 là đến hạn thanh toán, Tenimex không thanh toán được cho phía Hàn Quốc, Eximbank đã phải trả nợ thay và ghi nợ bắt buộc cho Tenimex số tiền 2.017.400USD. Tính đến ngày 24/11/1993, Tenimex đã thanh toán được 1.664.352,28USD, còn nợ 353.047,72USD.

Ngày 11/12/1993, Công ty TL có Công văn số 74/CV-TLC/93 xin nhận số nợ 353.047,72USD thay Tenimex và được Eximbank đồng ý chuyển khoản nợ này cho Công ty TL.

Tài sản bảo đảm: Trong quá trình giải quyết nợ, Công ty TL đồng ý cầm cố cho Eximbank dây chuyền lắp ráp xe gắn máy dạng CKD để đảm bảo khoản nợ nêu trên và được Công chứng Nhà nước xác nhận số 79545 ngày 12/11/1994.

Từ ngày 23/12/1993 đến 30/11/2000, Công ty TL thanh toán cho Eximbank được 232.391,06 USD, nợ gốc còn lại 120.656,66 (một trăm hai mươi ngàn sáu trăm năm mươi sáu phẩy sáu mươi sáu) USD

Đến ngày 03/8/2005, Eximbank và ông Bạch Ngọc Th là Giám đốc Công ty TL có ký Biên bản làm việc, với nội dung: Ông Bạch Ngọc Th (đại diện cho thành viên công ty) xác nhận Công ty TL đã không còn hoạt động nên ông Th xác nhận ông và gia đình ông Th có trách nhiệm thanh toán cho Eximbank số nợ gốc còn lại là 120.656,66USD và lãi suất 275.704,22USD tạm tính đến ngày 31/07/2005, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 03/8/2005.

Do ông Th và các thành viên của Công ty TL không trả nợ như cam kết nên Eximbank đã khởi kiện yêu cầu ông Bạch Ngọc Th trả số nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 30/6/2007 và phát mãi tài sản bảo đảm dây chuyền lắp ráp xe gắn máy CKD để thu hồi nợ cho Eximbank.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án như sau:

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3269/2009/KDTM-ST ngày 30/10/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Eximbank đối với ông Bạch Ngọc Th.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 70/2010/KDTM-PT ngày 10/5/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3269/2009/KDTM-ST ngày 30/10/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 13/2016/QĐST-KDTM ngày 04/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Đình chỉ giải quyết vụ án, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Eximbank.

Tại Quyết định số 30/2016/QĐ-PT ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 13/2016/QĐST-KDTM ngày 04/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2019/KDTM-GĐT ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 30/2016/QĐ-PT ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 13/2016/QĐST-KDTM ngày 04/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2019/KDTM-GĐT ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao nêu trên đã nhận định:

“[2] Đại diện hợp pháp của Eximbank cho rằng, tại Biên bản làm việc ngày 03/8/2005, ông Th xác định Công ty TL đã bị Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 09/10/2000 nên ông Th là người chịu trách nhiệm giải quyết công nợ. Tuy nhiên, khi Eximbank yêu cầu ông Th phải trả số tiền nợ còn thiếu, ông Th lại cho rằng Công ty TL chưa bị giải thể, nên cá nhân ông không chịu trách nhiệm trả nợ cho Eximbank. Như vậy, đây là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán chứ không phải là tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

“[3] Theo các công văn của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử lý các doanh nghiệp không kê khai đăng ký lại theo Chỉ thị số 657 ngày 13/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 09/10/2000, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo trên Báo Sài Gòn giải phóng danh sách các doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có Công ty TL với lý do không đăng ký lại kinh doanh theo quy định tại điểm 2b Mục III Thông tư Liên bộ số 16 TT-LB ngày 25/10/1996 của Bộ Thương mại - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Tư pháp - Tổng cục Thống kê. Thông báo này cũng nêu rõ: Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày đăng báo công bố thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các doanh nghiệp phải tiến hành thủ tục giải thể theo quy định tại khoản 5 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.

Tại Công văn số 3164 PĐKKD-KT ngày 26/3/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xác định không có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TL,

nhưng Công ty TL đã bị xóa tên trong Sổ đăng ký kinh doanh và đến nay Công ty TL chưa nộp hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp. Tại Công văn số 4880/PĐKKD-KT ngày 11/6/2013, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho biết Công ty TL không có tên trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý. Như vậy, cần xác định Công ty TL bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 09/10/2000. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà Công ty TL đang giữ không còn giá trị”

“[4] Ngày 20/7/2007, Eximbank khởi kiện yêu cầu ông Th trả nợ, nên cần áp dụng khoản 4 Điều 111, khoản 5 Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 1999; điểm d khoản 1 Điều 157, khoản 6 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2005 để xác định Công ty TL đã bị giải thể và xử lý các khoản nợ của Công ty TL. Tại khoản 6 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *“Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật, các thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán”*. Vì vậy, Eximbank khởi kiện yêu cầu ông Th và các thành viên Công ty TL trả nợ là có căn cứ...”

Nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án, phía Eximbank có yêu cầu như sau:

Về nghĩa vụ trả nợ: Yêu cầu các thành viên Công ty TL là ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh có trách nhiệm liên đới trả cho Eximbank số tiền nợ gốc còn lại là 120.656,66 USD và tiền lãi tính từ 11/12/1993 (ngày Công ty TL có Công văn số 74/CV – TLC/93 xin nhận số nợ 353.047,72USD thay Tenimex và được Eximbank đồng ý chuyển khoản nợ này cho Công ty TL) đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất theo thông báo lãi suất từng thời điểm của Eximbank, số tiền lãi theo Bảng chiết lãi tạm tính đến ngày 08/11/2022 của Eximbank, tổng cộng nợ lãi tạm tính đến ngày 08/11/2022 là 339.410,03 (Ba trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm mười phẩy không ba USD).

Trường hợp ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Eximbank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản cầm cố là dây chuyền lắp ráp xe gắn máy theo Giấy cam kết cầm cố tài sản số công chứng 79545, quyền số 15 do Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 12/11/1994 để thu hồi nợ cho Eximbank.

Nếu tài sản bảo đảm trên không đủ trả nợ thì ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh tiếp tục liên đới trả nợ cho Eximbank đến khi trả xong nợ.

Đối với ý kiến trình bày của phía ông Th nêu rằng sau khi đến hạn Công ty TL không thanh toán được khoản nợ, Eximbank không phát mãi tài sản cầm cố là dây chuyền lắp ráp xe CKD nói trên mà đem toàn bộ dây chuyền cho Công ty ITC mượn, phía Eximbank không thừa nhận, đề nghị phía ông Th phải cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh ý kiến này.

Hiện tại Eximbank đang quản lý tài sản do Công ty TL cầm cố nêu trên.

Bị đơn là ông Bạch Ngọc Th có ông Dương Lê Ph là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TL được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/5/1990, với vốn điều lệ là 500.000.000 đồng và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Trọng tài kinh tế TP. HCM cấp ngày 23/5/1992, với 03 thành viên góp vốn gồm: Ông Bạch Ngọc Th góp 60%, ông Trần Hữu Ngh góp 20% và bà Nguyễn Thị H góp 20%.

Năm 1992, Công ty TL ký Hợp đồng nhập khẩu số 89/HĐ/TEN, ủy thác cho Công ty Sản xuất Kinh doanh xuất nhập khẩu Quận 10 (Tenimex) nhập khẩu 10.000 tấn phân urê Indonesia với trị giá 1.834.000 USD, trả chậm 180 ngày. Phương thức thanh toán là mở qua L/C tại Eximbank. Sau quá trình thanh toán và xác nhận công nợ đến ngày 24/11/1993, Tenimex đã thanh toán số tiền 1.664.352,28 USD, còn nợ 353.047,72 USD.

Đến ngày 11/12/1993, Công ty TL đã xin nhận số nợ 353.047,72 USD thay Tenimex. Từ ngày 11/12/1993 đến ngày 30/11/2000, Công ty TL đã thanh toán cho Eximbank số tiền 232.391,06 USD, còn nợ lại 120.656,66 USD.

Trong quá trình giải quyết công nợ, Công ty TL đồng ý cầm cố dây chuyền lắp ráp xe gắn máy dạng CKD để đảm bảo khoản nợ nói trên và được Phòng Công chứng Nhà nước công chứng số 79545 ngày 12/11/1994. Theo Giấy cam kết cầm cố đã ghi rõ trường hợp đáo hạn mà Công ty không trả đủ nợ cho Eximbank thì Công ty đồng ý cho Eximbank phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ. Tuy nhiên, khi đến hạn, Eximbank không phát mãi tài sản mà đem toàn bộ dây chuyền cho Công ty ITC mượn các khoản thu từ việc cho mượn này do Ngân hàng kiểm soát thu về để cân trừ nợ. Toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đều do Ngân hàng đang lưu giữ.

Trên thực tế, tại thời điểm lúc đó Công ty TL tuy ngưng hoạt động nhưng Công ty chưa làm thủ tục giải thể nên quyền và nghĩa vụ về tài sản của các thành viên sáng lập của Công ty TL chưa được giải quyết. Ông Th chịu trách nhiệm giải quyết công nợ với Eximbank chỉ với tư cách là Giám đốc công ty

theo luật doanh nghiệp chứ không phải với tư cách chịu trách nhiệm cá nhân về nợ của Công ty.

Công ty TL còn nợ Eximbank 120.656, 66 USD nhưng khoản vay này có tài sản cầm cố trị giá 150.000 USD, tài sản cầm cố có giá trị lớn hơn số tiền vay. Công nợ phát sinh của Công ty TL từ năm 1992, đến khi đáo hạn Công ty TL không có khả năng thanh toán nợ nhưng Eximbank không phát mãi tài sản cầm cố là vi phạm Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 về xử lý tài sản đảm bảo.

Ông Th cũng đã giới thiệu khách hàng đến Eximbank liên hệ mua dây chuyền nhưng Eximbank cũng không đồng ý phát mãi. Trong quá trình sử dụng dây chuyền lắp ráp xe gắn máy CKD của Công ty TL, Công ty con của Eximbank đã không thực hiện việc bảo trì, nâng cấp máy làm giảm giá trị tài sản, dẫn đến việc Công ty TL không thanh toán được nợ. Do vậy, Eximbank là người gây ra thiệt hại đến lợi ích hợp pháp cho Công ty TL nên Eximbank phải chịu trách nhiệm hoàn toàn, Công ty Thanh Lộc không có lỗi trong vấn đề này nên không thể buộc Công ty Thạch Lộc phải chịu thiệt hại.

Phía ông Th xác định ngày 11/12/1993, Công ty TL có Công văn số 74/CV-TLC/93 gửi Eximbank, với nội dung “...Đến ngày 10/4/93, Ngân hàng đã giải quyết cho Công ty Tenimex vay số tiền vay bắt buộc số tiền là 2.017.426,40USD để thanh toán cho L/C nêu trên (thực tế là nợ vay bắt buộc của Công ty TL). Căn cứ tình hình thực tế thanh toán nợ vay, đến ngày 09/12/93 Công ty TL còn nợ là 353.047,71USD... Nay công ty chúng tôi lập văn bản này, kính trình Ngân hàng Eximbank, xin được xác nhận đã chuyển số nợ còn lại thuộc khoản vay bắt buộc cho L/C nêu trên từ Công ty Tenimex sang Công ty TL”. Công văn này đã được Eximbank đồng ý chuyển khoản nợ từ Công ty Tenimex cho Công ty TL là 353.047,71USD. Từ ngày 23/12/1993 đến 30/11/2000, Công ty TL thanh toán cho Eximbank được 232.391,06USD, còn lại 120.656,66 USD nợ gốc.

Tiếp đến ngày 03/8/2005, giữa Eximbank và ông là Giám đốc Công ty TL có Biên bản làm việc, với nội dung: Ông Bạch Ngọc Th với tư cách là giám đốc Công ty TL đã xác nhận Công ty còn nợ Eximbank số nợ gốc còn lại 120.656,66USD và lãi suất 275.704,22USD tạm tính đến ngày 31/07/2005.

Phía ông Th không có ý kiến gì về số nợ gốc, nợ lãi do phía Eximbank tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo bản chiết tính lãi do Eximbank cung cấp ngày 08/11/2022. Tuy nhiên, như đã trình bày nêu trên do Eximbank không phát mãi tài sản cầm cố khi đến hạn thanh toán nên phía ông Th không đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Eximbank. Trong trường hợp các thành viên bị buộc liên đới chịu trách nhiệm trả nợ còn lại của công ty theo như nhận định tại Bản án giám đốc thẩm thì ông Th và các thành viên còn lại cũng chỉ chịu trách nhiệm liên đới trả nợ trong phạm vi phần vốn đã góp vào công ty.

Phía ông Th đồng ý để Eximbank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ nhưng không chấp nhận trong trường hợp tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ thì cá nhân ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh tiếp tục liên đới trả nợ cho Eximbank đến khi trả xong vì đây là nghĩa vụ của Công ty. Thành viên Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp theo quy định tại Điều 42 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

Về yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ tài sản cầm cố của Eximbank, phía ông Th cho rằng không cần thiết phải xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản cầm cố vì phía Eximbank đã xác định hiện đang lưu giữ tài sản cầm cố của Công ty TL tại kho của Eximbank và Eximbank đang quản lý nên phía bị đơn đã có đơn đề nghị không tham gia thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Eximbank.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Hữu Ngh, bà Nguyễn Thị H có bà Nguyễn Thị Ánh L1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Ngh và bà H là thành viên góp vốn trong Công ty TL. Quá trình hoạt động, ông Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thống nhất ý kiến của phía ông Th trình bày về giao dịch tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty, về dư nợ, về tài sản đảm bảo.

Tình trạng pháp lý của Công ty không còn hoạt động nhưng chưa đăng ký giải thể. Đối với trách nhiệm với Ngân hàng là trách nhiệm của cổ đông (do là Công ty TNHH). Đối với trách nhiệm của Ngân hàng là trách nhiệm của Công ty chứ không phải trách nhiệm cá nhân nên không đồng ý với ý kiến của Ngân hàng về nội dung biên bản làm việc ngày 03/8/2005, cho dù cá nhân ông Th có tự nguyện trả thay cho Công ty thì ông Ngh và bà H cũng không đồng ý. Bà H và ông Ngh không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với các bên đương sự.

Bà Loan đại diện theo ủy quyền của bà H và ông Ngh có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1973/2022/KDTM-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 50, Điều 208, Điều 209, Điều 217, Điều 218 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022); Căn cứ Điều 26, Điều 27a, Điều 29 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa

án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”.

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP XNK VN:

Buộc ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh có trách nhiệm liên đới trong phạm vi phần vốn đã góp vào Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ TL (nay Công ty được xác định đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) trả cho Ngân hàng TMCP XNK VN số tiền nợ gốc còn lại tương đương là 120.656,66 (một trăm hai mươi ngàn sáu trăm năm mươi sáu phẩy sáu mươi sáu) USD và tiền lãi tạm tính đến ngày 08/11/2022 tương đương là 339.410,03 (Ba trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm mười phẩy không ba) USD. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi tương đương là 460,066.69 (Bốn trăm sáu mươi ngàn không trăm sáu mươi sáu phẩy sáu chín) USD.

Trường hợp ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP XNK VN được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là dây chuyền lắp ráp xe gắn máy hai bánh dạng CKD theo Giấy cam kết cầm cố tài sản số công chứng 79545, quyển số 15 do Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh Công chứng ngày 12/11/1994 để thu hồi nợ.

2. Không chấp nhận phần Ngân hàng TMCP XNK VN yêu cầu: Trường hợp tài sản cầm cố nêu trên không đủ trả nợ thì ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP XNK VN cho đến khi trả xong nợ.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK VN có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và ngày 15 tháng 11 năm 2022, có đơn kháng cáo bổ sung. Lý do kháng cáo:

Theo Công văn số 598/ĐKKD ngày 07/02/2005 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TL đã bị công bố thu hồi Giấy chứng nhận kinh doanh vào ngày 09/10/2000 và theo nhận định tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2019/KDTM-GĐT ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì Công ty TL đã bị giải thể ngày

09/10/2000 theo quy định tại khoản 4 Điều 111, khoản 5 Điều 112 Luật doanh nghiệp năm 1999 và điểm d khoản 1 Điều 157 Luật doanh nghiệp năm 2005.

Căn cứ theo Giấy phép thành lập công ty số 235/GP-UB do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/5/1992 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 046948 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 23/5/1992 thể hiện Công ty TL có 03 thành viên sáng lập gồm (ông Bạch Ngọc Th – chức vụ giám đốc, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Hữu Ngh – sáng lập viên). Do Công ty TL bị giải thể nên các thành viên của công ty là ông Th, bà H, ông Ngh phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc, lãi cho Eximbank theo quy định tại khoản 6 Điều 158 Luật doanh nghiệp 2005.

Do là khoản nợ cấp bảo lãnh thư tín dụng và Công ty TL đã có Công văn số 74/93 ngày 11/12/1993 xin nhận nợ thay Công ty Tenimex số tiền nợ 353.047,72 USA và được Eximbank đồng ý. Đồng thời Công ty TL đã cầm cố cho Eximbank Dây chuyền lắp ráp xe gắn máy hai bánh dạng CKD để đảm bảo cho việc trả nợ. Thực tế trong thời gian từ 11/4/1994 đến 20/11/2000 Công ty TL đã thanh toán cho Eximbank được một phần nợ gốc 232.391,06USD, phần nợ gốc còn lại 120.656,66USD và lãi suất chưa thanh toán. Tại Biên bản làm việc ngày 03/8/2005 giữa Eximbank và ông Th (đại diện cho các thành viên công ty) xác nhận trách nhiệm thanh toán cho Eximbank phần nợ gốc còn lại 120.656,66USD và lãi suất 275.704,22USD (tạm tính đến ngày 31/7/2005). Như vậy, Eximbank khởi kiện yêu cầu các thành viên của Công ty TL gồm ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh có trách nhiệm liên đới thanh toán phần nợ gốc còn lại 120.656,66USD và lãi suất cho Eximbank là có căn cứ theo khoản 6 Điều 158 luật doanh nghiệp năm 2005 và theo nhận định của Quyết định giám đốc thẩm số 06/2019/KDTM-GĐT ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc các thành viên của Công ty TL có trách nhiệm liên đới trả cho Eximbank số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/11/2022 là 460.066,69USD và lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông Th, bà H, ông Ngh không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Eximbank được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản cầm cố Dây chuyền lắp ráp xe gắn máy hai bánh dạng CKD để thu hồi nợ cho Eximbank.

Trường hợp, nếu phát mãi tài sản bảo đảm trên không đủ trả nợ (số tiền tạm tính đến ngày 08/11/2022 là 460.066,69USD) thì đương nhiên ông Th, bà H, ông Ngh vẫn phải có nghĩa vụ liên đới trả tiếp cho Eximbank phần nợ còn thiếu. Tuy nhiên bản án sơ thẩm không cho Eximbank được quyền tiếp tục đòi nợ ông Th, bà H, ông Ngh sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ trả nợ là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Eximbank trong việc thu hồi khoản nợ của Công ty TL.

Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tính lãi suất “kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015” là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Eximbank kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Eximbank, nếu việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông Th, bà H, ông Ngh tiếp tục có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Eximbank đến khi trả xong nợ. Và lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 09/11/2022 tiếp theo của ngày xử sơ thẩm theo mức lãi suất do Eximbank quy định cho đến khi các thành viên Công ty TL là ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh trả xong nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo Eximbank trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo đã gửi cho Tòa án. Không cung cấp chứng cứ mới.

- Bị đơn ông Bạch Ngọc Th (do ông Nguyễn Đăng Tư đại diện), trình bày: Bảo lưu quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- Đối với kháng cáo của nguyên đơn: Khi giải quyết Tòa sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 08/11/2022 đến ngày 15/11/2022 nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK VN (Eximbank) có đơn kháng cáo nên kháng cáo của nguyên đơn là trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK VN (Eximbank) yêu cầu các thành viên của Công ty TNHH TL gồm ông Bạch Ngọc Th, ông Trần Hữu Ngh, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho (Eximbank) nên ông Bạch Ngọc Th, ông Trần Hữu Ngh, bà Nguyễn Thị H được xác định là bị đơn trong vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Trần Hữu Ngh, bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đối với kháng cáo của Ngân hàng TMCP XNK VN, xét:

[1] Số nợ gốc, nợ lãi:

Công ty TL được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-UB do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/5/1990 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/5/1992, với 03 thành viên gồm: Ông Bạch Ngọc Th góp 60%, ông Trần Hữu Ngh góp 20% và bà Nguyễn Thị H góp 20%.

Năm 1992, Công ty TL ký Hợp đồng nhập khẩu số 89/HĐ/TEN, ủy thác cho Công ty Sản xuất Kinh doanh xuất nhập khẩu Quận 10 (Tenimex) nhập khẩu 10.000 tấn phân urê Indonesia với trị giá 1.834.000 USD, trả chậm 180 ngày. Phương thức thanh toán là mở qua L/C tại Eximbank. Sau quá trình thanh toán và xác nhận công nợ đến ngày 24/11/1993, Tenimex đã thanh toán số tiền 1.664.352,28 USD, còn nợ 353.047,72 USD.

Theo Văn bản số 74/CV-TLC/93 ngày 11/12/1993 của Công ty TL có gửi Eximbank, có nội dung: “...Đến ngày 10/4/93, Ngân hàng đã giải quyết cho Công ty Tenimex vay bắt buộc số tiền là 2.017.426,40USD để thanh toán cho L/C nêu trên (nhưng thực tế là nợ vay bắt buộc của Công ty TL)... Nay công ty chúng tôi lập văn bản này, kính trình Ngân hàng Eximbank, xin được xác nhận đã chuyển số nợ còn lại thuộc khoản nợ vay bắt buộc cho L/C nêu trên từ Công ty Tenimex sang Công ty TL”; Văn bản này đã được Eximbank đồng ý chuyển khoản nợ từ Công ty Tenimex cho Công ty TL là 353.047,71USD. Theo đó, từ ngày 23/12/1993 đến 30/11/2000, Công ty TL đã thanh toán cho Eximbank được 232.391,06USD, còn lại 120.656,66USD nợ gốc. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn đã thừa nhận việc chuyển nợ từ Công ty Tenimex cho Công ty TL cũng như số nợ gốc Công ty TL còn nợ Eximbank. Nên, có cơ sở xác định Công ty TL còn nợ Eximbank số nợ gốc còn lại là 120.656,66USD.

Theo Điều 19 Quyết định số 192/NH–QĐ ngày 17/9/1992 của Ngân hàng Nhà nước quy định: *Khách hàng được bảo lãnh không có khả năng trả nợ cho nước ngoài đúng cam kết thì Ngân hàng nhận bảo lãnh sẽ chuyển phần trả thiếu sang nợ quá hạn ngay trong ngày đến hạn nợ của nước ngoài.*

Theo Điều 19 Quyết định 23/QĐ–NH 14 ngày 21/02/1994 của Ngân hàng Nhà nước (Quyết định này thay thế Quyết định số 192/NH–QĐ ngày 17/9/1992 nêu trên) quy định: *Trường hợp khách hàng được bảo lãnh không trả một phần hoặc toàn bộ số nợ vay đúng hạn, Ngân hàng nhận bảo lãnh trả thay cho khách hàng số nợ còn thiếu bên cho vay, đồng thời khách hàng phải làm giấy nhận nợ với Ngân hàng nhận bảo lãnh về số nợ vay đó và phải chịu lãi suất nợ quá hạn tính theo lãi suất các khoản vay tương ứng của Ngân hàng nhận bảo lãnh. Sau đó Ngân hàng nhận bảo lãnh phát mại tài sản thế chấp của khách hàng để thu hồi số tiền đã trả thay theo quy định của pháp luật.*

Theo bảng chiết tính tiền nợ lãi của Eximbank tạm tính đến ngày 08/11/2022 (kèm theo Thông báo mức lãi suất USD tại Eximbank từ tháng 12/1993 (thời điểm Công ty TL nhận trả nợ thay cho Tenimex) đến tháng 9/2022) thì tiền lãi Công ty TL còn nợ tạm tính đến ngày 08/11/2022 là 339.410,03USD.

Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không có ý kiến gì về nợ gốc còn lại cũng như nợ lãi theo Bảng chiết tính nợ lãi nêu trên của Eximbank. Nên, Eximbank yêu cầu trả nợ gốc còn lại và nợ lãi quá hạn theo Bảng chiết tính nêu trên với tổng số tiền 460.066,69USD là có căn cứ.

[2] Về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi:

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 06/2019/KDTM–GDT ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định: “....Công ty TL bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 09/10/2000; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà Công ty TL đang giữ không còn giá trị. Ngày 20/7/2007, Eximbank khởi kiện yêu cầu ông Th trả nợ, nên cần áp dụng khoản 4 Điều 111, khoản 5 Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 1999 điểm d khoản 1 Điều 157, khoản 6 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2005 để xác định Công ty TL đã bị giải thể và xử lý các khoản nợ của Công ty TL. Tại khoản 6 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: “Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật, các thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán”, nên Eximbank yêu cầu ông Th và các thành viên Công ty TL trả nợ là có căn cứ”.

Đồng thời, theo các quy định tại Điều 29, Điều 42 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 51 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và hiện nay là Điều 50 Luật Doanh Nghiệp năm 2020 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) cũng quy định nghĩa vụ của thành viên công ty như sau:

- Tại Điều 50 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) quy định: *“Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty”*.

- Tại khoản 6 Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) quy định: *“Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên ...theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp...”*.

- Tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) quy định về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp và giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn trình bày lý do là Eximbank không xử lý tài sản cầm cố khi đề thu hồi nợ nên không đồng ý trả số nợ gốc và nợ lãi còn lại cho Eximbank nhưng cũng xác định trong trường hợp các thành viên bị buộc liên đới chịu trách nhiệm trả nợ còn lại của Công ty TL theo nhận định của Bản án giám đốc thẩm nêu trên thì phía ông Th và các thành viên chỉ chịu trách nhiệm liên đới trả nợ trong phạm vi phần vốn đã góp vào Công ty TL.

Do đó, Eximbank yêu cầu các thành viên Công ty TL gồm ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh có trách nhiệm liên đới trả cho Eximbank số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ. Tuy nhiên, ông Th, bà H và ông Ngh chỉ có trách nhiệm liên đới trả số nợ nêu trên cho Eximbank trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty TL theo quy định tại Điều 50 và Điều 208, Điều 209 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022).

[3] Theo Giấy cam kết cầm cố tài sản cho Eximbank của ông Bạch Ngọc Th, số công chứng 79545, quyển số 15 do Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 12/11/1994 thể hiện: *“...Bằng văn bản này Cty chúng tôi đồng ý đem toàn bộ dây chuyền lắp ráp xe gắn máy hai bánh dạng CKD do Cty làm chủ sở hữu...cầm cố cho Eximbank để bảo đảm cho Cty vay 150.000 USD (một trăm năm mươi ngàn). ...Trường hợp đáo hạn mà Cty chúng tôi không trả đủ nợ, lãi cho ngân hàng Eximbank, chúng tôi đồng ý cho ngân hàng Eximbank phát mãi tài sản trên để trừ nợ, lãi và các chi phí khác có liên quan mà không có tranh chấp hay khiếu nại gì”*.

Phía ông Trần Hữu Ngh và bà Nguyễn Thị H là thành viên góp vốn của Công ty TL cũng thống nhất ý kiến về giao dịch tín dụng giữa Eximbank và Công ty TL, về số dư nợ, về tài sản đảm bảo đã thế chấp cho Eximbank như ý kiến của phía ông Th đã trình bày.

Do đó, Eximbank yêu cầu trong trường hợp các thành viên Công ty TL gồm: ông Th, bà H, ông Ngh không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Eximbank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản cầm cố là Dây chuyền lắp ráp xe gắn máy hai bánh dạng CKD theo Giấy cam kết nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 326, Điều 336 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ được chấp nhận.

[4] Đối với phần Eximbank yêu cầu trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh tiếp tục liên đới trả nợ cho Eximbank đến khi trả xong số nợ. Xét thấy, phần yêu cầu này của Eximbank không được ông Th, bà H, ông Ngh chấp nhận. Phía Eximbank không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh các bên thỏa thuận trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì các thành viên công ty có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Eximbank đến khi trả xong số nợ. Đồng thời yêu cầu này của Eximbank cũng không phù hợp với quy định pháp luật về nghĩa vụ của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp như đã nhận định nêu trên. Nên, phần yêu cầu này của Eximbank không có căn cứ để được chấp nhận.

[5] Xét, yêu cầu kháng cáo và trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa là không phù hợp với các nhận định và phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Eximbank, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xử sơ thẩm (ngày 09/11/2022) theo mức lãi suất do Eximbank quy định cho đến khi các thành viên Công ty TL là ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh trả xong nợ.

Xét thấy, theo điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật*

dân sự năm 2015”. Theo đó, giữa Ngân hàng Eximbank và Công ty TL không có thỏa thuận về mức lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp với quy định nêu trên. Do đó yêu cầu về tính lãi suất từ ngày tiếp theo của ngày xử sơ thẩm theo mức lãi suất do Ngân hàng Eximbank quy định là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng TMCP XNK VN phải chịu 2000.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 309; Điều 30, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 50, Điều 208, Điều 209, Điều 217, Điều 218 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022); Căn cứ Điều 26, Điều 27a, Điều 29 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP XNK VN; Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1973/2022/KDTM-ST, ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP XNK VN:

Buộc ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh có trách nhiệm liên đới trong phạm vi phần vốn đã góp vào Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ TL (nay Công ty được xác định đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) trả cho Ngân hàng TMCP XNK VN số tiền nợ gốc còn lại tương đương là 120.656,66 (một trăm hai mươi ngàn sáu trăm năm mươi sáu phẩy sáu mươi sáu) USD và tiền lãi tạm tính đến ngày 08/11/2022 tương đương là 339.410,03 (Ba trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm mười phẩy không ba) USD. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi tương đương là 460,066.69 (Bốn trăm sáu mươi ngàn không trăm sáu mươi sáu phẩy sáu chín) USD.

Trường hợp ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP XNK VN được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là dây chuyền lắp ráp xe gắn máy hai bánh dạng CKD theo Giấy cam kết cầm cố tài sản số công chứng 79545, quyền số 15 do Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh Công chứng ngày 12/11/1994 để thu hồi nợ.

3. Không chấp nhận phần Ngân hàng TMCP XNK VN yêu cầu: Trường hợp tài sản cầm cố nêu trên không đủ trả nợ thì ông Bạch Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hữu Ngh tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP XNK VN cho đến khi trả xong nợ.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng TMCP XNK VN phải nộp 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00003555 ngày 25/11/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (4);
- Lưu VT (5), HS (2), 16b, (ÁN09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tửu